

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HÙNG AN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HÙNG AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG AN TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109548147

**3. Ngày thành lập:** 11/03/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Điện thoại: 0915551677

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2029        |
| 2.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;<br>- Bán buôn Nitrate Amôni;<br>- Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa;<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;<br>- Bán buôn cao su;<br>- Bán buôn sợi dệt...;<br>- Bán buôn bột giấy; | 4669(Chính) |
| 3.  | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất đồ ăn sẵn cho vật nuôi kiểng, bao gồm chó, mèo, chim, cá, v.v...<br>- Sản xuất đồ ăn sẵn cho động vật trang trại, bao gồm thức ăn cô đặc và thức ăn bổ sung;<br>- Chuẩn bị thức ăn nguyên chất cho gia súc nông trại.                                                                                                                                                                               | 1080        |
| 4.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4759        |
| 5.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4761        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 6.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                      | 4771 |
| 7.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                   | 4931 |
| 8.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô  | 4932 |
| 9.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                  | 4933 |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;<br>- Gửi hàng;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. | 5229 |
| 11. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                             | 5510 |
| 12. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                      | 5610 |
| 13. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                              | 5621 |
| 14. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                  | 5629 |
| 15. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                               | 5630 |
| 16. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                     | 5820 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.</li> <li>- Lập quy hoạch xây dựng</li> <li>- Quản lý thi công xây dựng công trình: Quản lý chất lượng xây dựng công trình; Quản lý tiến độ xây dựng thi công xây dựng công trình; Quản lý khối lượng thi công xây dựng công trình; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng trong quá trình thi công xây dựng; Quản lý hợp đồng xây dựng; Quản lý an toàn lao động, môi trường xây dựng.</li> <li>- Khảo sát xây dựng: Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình</li> <li>- Giám sát thi công xây dựng: Giám sát công tác xây dựng: - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật, - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông, - Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình.</li> <li>- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng</li> <li>- Tư vấn quản lý dự án</li> <li>- Kiểm định xây dựng</li> <li>- Thiết kế quy hoạch xây dựng</li> <li>- Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng</li> <li>- Tư vấn đấu thầu (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong xây dựng)</li> <li>- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng</li> <li>- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp</li> <li>- Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp</li> <li>- Hoạt động kiến trúc: Việc cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ phác thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. - Giám sát thi công xây dựng cơ bản.</li> </ul> | 7110 |
| 18. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7730 |
| 19. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7911 |

|     |                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Điều hành tua du lịch                                                                          | 7912 |
| 21. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch            | 7990 |
| 22. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                            | 4662 |
| 23. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                               | 2591 |
| 24. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu                                                          | 2420 |
| 25. | Khai thác và thu gom than cứng                                                                 | 0510 |
| 26. | Khai thác và thu gom than non                                                                  | 0520 |
| 27. | Khai thác dầu thô                                                                              | 0610 |
| 28. | Khai thác khí đốt tự nhiên                                                                     | 0620 |
| 29. | Khai thác quặng sắt                                                                            | 0710 |
| 30. | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt                                                   | 0722 |
| 31. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                | 0810 |
| 32. | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón                                                   | 0891 |
| 33. | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu                                                        | 0899 |
| 34. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên                                     | 0910 |
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác                                                      | 0990 |
| 36. | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                  | 0164 |
| 37. | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                            | 2012 |
| 38. | Xây dựng nhà để ở                                                                              | 4101 |
| 39. | Xây dựng nhà không để ở                                                                        | 4102 |
| 40. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                  | 4211 |
| 41. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                   | 4212 |
| 42. | Xây dựng công trình điện                                                                       | 4221 |
| 43. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                            | 4222 |
| 44. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                             | 4223 |
| 45. | Xây dựng công trình công ích khác                                                              | 4229 |
| 46. | Xây dựng công trình thủy                                                                       | 4291 |
| 47. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                | 4292 |
| 48. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                          | 4293 |
| 49. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                     | 4299 |
| 50. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                 | 4330 |
| 51. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                            | 4390 |
| 52. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa | 4610 |
| 53. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                         | 4620 |
| 54. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                 | 4631 |
| 55. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                            | 0131 |
| 56. | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                             | 0132 |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 57. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                  | 4632 |
| 58. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                | 4641 |
| 59. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                  | 4649 |
| 60. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                  | 4652 |
| 61. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                     | 4659 |
| 62. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                             | 4663 |
| 63. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                   | 4690 |
| 64. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                | 4711 |
| 65. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                   | 4721 |
| 66. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                    | 4722 |
| 67. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                      | 4723 |
| 68. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                              | 4741 |
| 69. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                     | 4751 |
| 70. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                | 4752 |
| 71. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên:

Giới tính:

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội